

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **8839**/TCHQ-GSQL

Hà Nội, ngày **15** tháng 9 năm 2016

V/v thời điểm nộp C/O

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Ngày 14/9/2016, Bộ Tài chính ban hành công văn số 12802/BTC-TCHQ hướng dẫn về thời điểm người khai hải quan phải nộp C/O để được hưởng ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên. Để đảm bảo thực hiện thống nhất, Tổng cục Hải quan yêu cầu Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

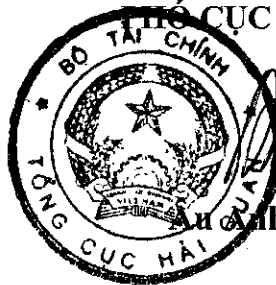
1. Triển khai thực hiện theo đúng hướng dẫn tại công văn số 12802/BTC-TCHQ.
2. Chỉ đạo các Chi cục Hải quan niêm yết công khai công văn số 12802/BTC-TCHQ tại các địa điểm làm thủ tục hải quan và phổ biến nội dung hướng dẫn tại công văn nêu trên đến doanh nghiệp làm thủ tục hải quan trên địa bàn đơn vị quản lý.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị thực hiện thống nhất./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CNTT và TKHQ (để đăng công văn số 12802/BTC-TCHQ trên website Hải quan;
- Lưu:VT, GSQL (3 bản).

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC GSQL VỀ HQ
THÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12802/BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2016

Y/v thời điểm nộp C/O

HỎA-TỐC

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố

Để thực hiện công tác kiểm tra xuất xứ hàng hóa nhập khẩu từ các nước thành viên được hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết và căn cứ quy định tại các Hiệp định, Bộ Tài chính yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện các nội dung sau:

1. Căn cứ pháp lý:

1.1. Điều 21, 24, 25 Luật Hải quan năm 2014 quy định về thủ tục hải quan và hồ sơ hải quan;

1.2. Điều 13 Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 hướng dẫn chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa quy định về thời điểm nộp C/O;

1.3. Các Hiệp định mà Việt Nam đã ký kết và thực thi, đã được nội luật hóa tại Điều 11 Phụ lục 4 Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15/4/2010, Điều 13 Phụ lục 7 Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17/5/2010, Điều 14 Phụ lục 2 Thông tư số 36/2010/TT-BCT ngày 15/11/2010, Điều 8 và Điều 20 Phụ lục 3 Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15/11/2013, Điều 9 Phụ lục V Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014, Điều 12 Phụ lục 3 Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015, Điều 3 Phụ lục 4 Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương quy định về thời điểm nộp C/O;

1.4. Điều 16, Điều 26 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2016 của Bộ Tài chính về hồ sơ hải quan và kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Trên cơ sở căn cứ pháp lý nêu trên, Bộ Tài chính yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện các nội dung sau:

2.1. Thời điểm nộp C/O đối với các mẫu C/O, trừ C/O mẫu VK (KV):

a) Đối với tờ khai hải quan giấy, người khai hải quan phải nộp bản chính C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

b) Đối với tờ khai hải quan điện tử, người khai hải quan phải nộp bản chính C/O tại thời điểm nộp hồ sơ hải quan.

c) Ngoài thời hạn nêu trên, cơ quan hải quan chỉ xem xét đề nghị nộp bổ sung C/O trong các trường hợp:

c.1) Trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, với mã số HS khai báo, thuế suất MFN thấp hơn hoặc bằng với thuế suất ưu đãi đặc biệt, doanh nghiệp khai thuế suất MFN khi làm thủ tục hải quan, không áp dụng thuế

suất ưu đãi đặc biệt. Sau khi hàng hóa đã thông quan, cơ quan hải quan kiểm tra sau thông quan xác định lại mã số HS hoặc doanh nghiệp khai bổ sung mã HS, theo mã HS mới thì thuế suất MFN cao hơn so với thuế suất ưu đãi đặc biệt, doanh nghiệp đề nghị được nộp bổ sung C/O.

c.2) Trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, hàng hóa thuộc đối tượng theo diện ưu đãi đầu tư được miễn thuế nhập khẩu. Sau khi hàng hóa đã thông quan, cơ quan hải quan kiểm tra sau thông quan (hoặc doanh nghiệp tự phát hiện) xác định hàng hóa không thuộc diện ưu đãi đầu tư, doanh nghiệp đề nghị được nộp bổ sung C/O.

2.2. Thời điểm nộp C/O đối với C/O mẫu VK (KV):

a) Đối với tờ khai hải quan giấy, người khai hải quan phải nộp bản chính C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

b) Đối với tờ khai hải quan điện tử, người khai hải quan phải nộp bản chính C/O tại thời điểm nộp hồ sơ hải quan.

c) Trường hợp không có bản chính C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan phải khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai hải quan và nộp C/O trong vòng 01 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan. Trong thời gian chưa nộp C/O, người khai hải quan khai báo theo mức thuế suất MFN.

3. Yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố chỉ đạo các Chi cục Hải quan trực thuộc tăng cường công tác kiểm tra xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra xác định xuất xứ ban hành kèm theo Quyết định số 4286/QĐ-TCHQ ngày 31/12/2015 của Tổng cục Hải quan.

Trong quá trình kiểm tra, căn cứ nội dung hướng dẫn tại Quy trình kiểm tra xác định xuất xứ hàng hóa, trường hợp có nghi vấn liên quan đến tính hợp lệ của C/O, các thông tin khai báo trên C/O hay xuất xứ thực tế của hàng hóa nhập khẩu (như dấu hiệu giả mạo chữ ký, con dấu trên C/O, sự không phù hợp giữa thông tin về hàng hóa khai báo trên C/O với chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, nghi ngờ về tiêu chí xuất xứ khai báo trên C/O hay qua kiểm tra thực tế (nếu có) phát hiện xuất xứ thể hiện trên hàng hóa khác so với khai báo, quy định về vận chuyển trực tiếp,...). Cục Hải quan các tỉnh, thành phố phải gửi báo cáo và hồ sơ liên quan về Tổng cục Hải quan để tiến hành xác minh. Trong thời gian chờ kết quả xác minh, hàng hóa thực hiện theo mức thuế suất ưu đãi MFN.

Bộ Tài chính thông báo để Cục Hải quan các tỉnh, thành phố biết và thực hiện.

Nơi nhận: *VT*

- Như trên;

- Lưu VT, TCHQ (43b).

